



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 916/19650925

Ngày: 22/9/2025

Trang: 01/01

I. Loại mẫu : Nước thải

Lượng mẫu: 2 lít

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 09/9/2025 Thử nghiệm: 09/9/2025-22/9/2025 Lưu mẫu: 07 ngày

III. Địa điểm lấy mẫu: CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định, 87 Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Tại đầu ra của HTXL nước thải công suất 1200m³/ ngày
đêm, tọa độ: 1522496; 603476 (14h30)

Nước hơi vàng

NT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

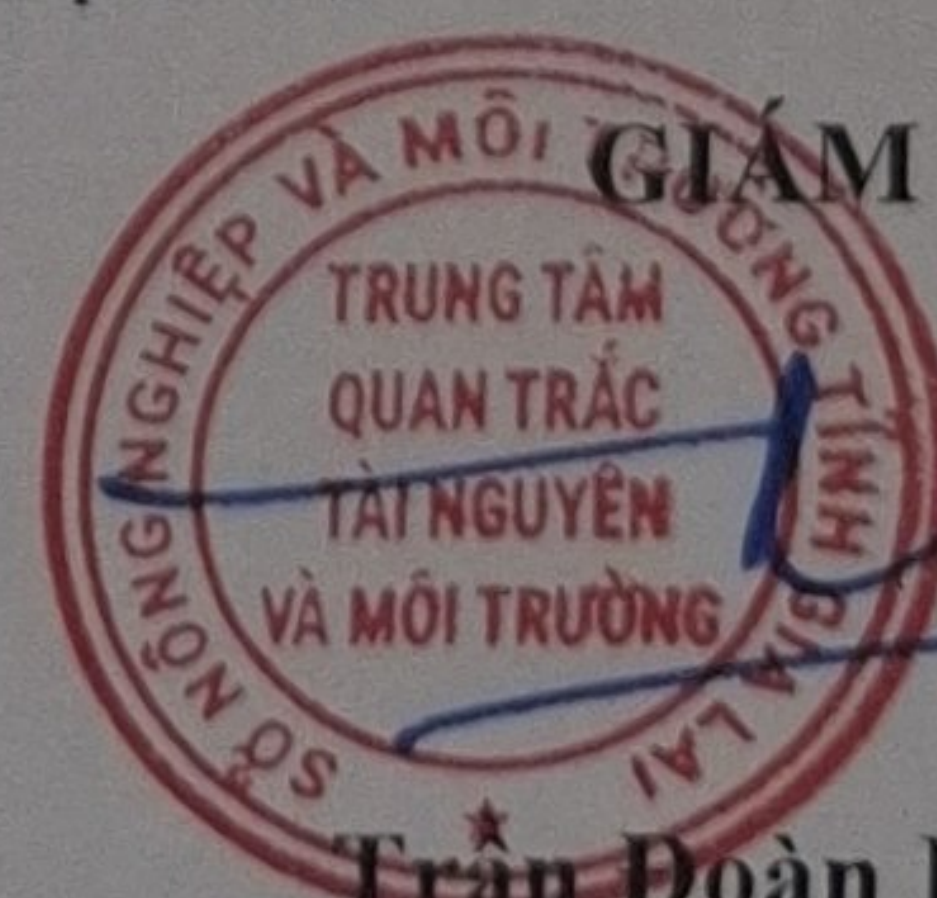
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT- giá trị C, cột B
1	Nhiệt độ ^(a,e)	°C	SMEWW 2550B:2023	28,8	40
2	pH ^(a,e)	-	TCVN 6492:2011	6,92	5,5-9
3	Độ màu ^(a)	Pt-co	TCVN 6185:2015	16	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	4	100
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(a)	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	16	150
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	10	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/l	TCVN 5988:1995	0,45 (LOQ=1,0)	10
8	Clo dư ^(a)	mg/l	TCVN 6225-3:1996	KPH (MDL=0,12)	2
9	Tổng nitơ (T-N) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6638:2000	7,06	40
10	Tổng photpho (T-P) ^(a)	mg/l	SMEWW 4500P.B&D:2023	0,38	6
11	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	10
12	Coliform ^(a)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3500	5000

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (e): Các chỉ tiêu đo nhanh theo BB quan trắc hiện trường
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL): giới hạn phát hiện
- (c): Chỉ tiêu nhà thầu phụ

PHÒNG QT-PT

Nguyễn Thị Ngọc Đường



GIÁM ĐỐC

Trần Đoàn Khoa Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký hiệu: 917/19660925-19670925

Ngày: 22/9/2025

Trang: 01/01

I. Loại mẫu : Khí thải

Lượng mẫu:

II. Thời gian:

Lấy mẫu: 09/9/2025 Thử nghiệm: 09/9/2025-22/9/2025 Lưu mẫu:

III. Địa điểm lấy mẫu: CN Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Bình Định, 87
Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai

IV. Thông tin mẫu phân tích:

Vị trí lấy mẫu

Mô tả mẫu:

Ký hiệu mẫu:

- Tại ống khói lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ của công ty,
tọa độ: 1522504; 603468

KT1

- Tại ống khói lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ của công ty,
tọa độ: 1522459; 603525

KT2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19:2009/ BTNMT, giá trị C, cột B
				KT1	KT2	
1	Lưu lượng khí thải ^(a,e)	m ³ /h	US EPA Method 2	7607	3248	-
1	Bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	56	60	200
2	CO ^(a,e)	mg/Nm ³	HD/KT - CO	153,5	172,9	1000
3	SO ₂ ^(a,e)	mg/Nm ³	HD/KT - SO ₂	31,1	32,6	500
4	NO _x ^(a,e)	mg/Nm ³	HD/KT - NO _x	20	16	850

V. Ghi chú:

- Không được trích sao nội dung của phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Phòng thí nghiệm đã đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu: VIMCERTS 014);
- Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị cho mẫu thử nghiệm;
- (a): Các chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts 014
- (b): Các chỉ tiêu được chứng nhận VILAS 671
- (d): Các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng
- (e): Các chỉ tiêu đo nhanh theo BB quan trắc hiện trường
- (KPH): Không phát hiện, (LOQ): giới hạn định lượng; (MDL): giới hạn phát hiện

PHÒNG QT-PT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Đường

Trần Đoàn Khoa Tiến